

Số: 491/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung như sau:

1. Quan điểm

a) Quản lý tổng hợp chất thải rắn là quản lý toàn bộ vòng đời chất thải từ khi phát sinh đến khi xử lý cuối cùng, bao gồm phòng ngừa, giảm thiểu, phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý cuối cùng nhằm mục đích bảo vệ sức khỏe con người, bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên, thích ứng với biến đổi khí hậu và hướng tới sự phát triển bền vững của đất nước;

b) Quản lý tổng hợp chất thải rắn là trách nhiệm chung của toàn xã hội, trong đó Nhà nước có vai trò chủ đạo, được thực hiện trên cơ sở tăng cường đầu tư, đẩy mạnh xã hội hóa, huy động tối đa mọi nguồn lực, đáp ứng nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”, theo đó các tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường có trách nhiệm đóng góp kinh phí, khắc phục, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

c) Quản lý tổng hợp chất thải rắn được thực hiện liên vùng, liên ngành; đảm bảo sự tối ưu về kinh tế, kỹ thuật, an toàn về xã hội và môi trường; phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và gắn với các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia;

d) Chất thải rắn phát sinh phải được quản lý theo hướng coi là tài nguyên, được phân loại, thu gom phù hợp với công nghệ xử lý được lựa chọn; khuyến khích xử lý chất thải thành nguyên liệu, nhiên liệu, các sản phẩm thân thiện môi trường, xử lý chất thải kết hợp với thu hồi năng lượng, tiết kiệm đất đai và phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của từng địa phương, vùng và đất nước;

đ) Đầu tư hệ thống quản lý chất thải rắn đồng bộ, bao gồm xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn; công tác thu gom, vận chuyển trên cơ sở công nghệ phù hợp. Thực hiện đầu tư cho quản lý chất thải rắn phải có trọng tâm, trọng điểm và ưu tiên cho từng giai đoạn cụ thể, tránh dàn trải, kém hiệu quả.

2. Tầm nhìn tới năm 2050

Phấn đấu tới năm 2050, tất cả các loại chất thải rắn phát sinh đều được thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý bằng những công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, hạn chế khối lượng chất thải rắn phải chôn lấp đến mức thấp nhất.

3. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

- Phòng ngừa, kiểm soát, hạn chế về cơ bản mức độ phát sinh chất thải rắn gia tăng, giảm thiểu tối đa ô nhiễm môi trường do chất thải rắn gây ra, góp phần bảo vệ sức khỏe con người, môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững đất nước;

- Tăng cường năng lực quản lý tổng hợp chất thải rắn, tiến hành đồng thời các giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác lưu giữ, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải rắn; mở rộng mạng lưới thu gom chất thải rắn; thúc đẩy phân loại chất thải rắn tại nguồn với phòng ngừa và giảm thiểu phát sinh chất thải rắn trong sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; đẩy mạnh xã hội hóa và thu hút đầu tư từ khu vực tư nhân, nước ngoài trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt;

- Ứng dụng các công nghệ xử lý chất thải rắn tiên tiến, thân thiện môi trường; lựa chọn các công nghệ xử lý chất thải rắn kết hợp với thu hồi năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính, an toàn và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương; phát triển ngành công nghiệp tái chế, khuyến khích sử dụng, tiêu thụ các sản phẩm từ quá trình xử lý chất thải rắn.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2025:

- Về chất thải rắn nguy hại:

+ 100% tổng lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ sở y tế, làng nghề phải được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường;

+ 85% chất thải rắn nguy hại phát sinh tại các hộ gia đình, cá nhân phải được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường;

+ 100% các nhà sản xuất thiết bị điện tử phải thiết lập và công bố các điểm thu hồi sản phẩm thải bỏ theo quy định của pháp luật.

- Về chất thải rắn sinh hoạt đô thị:

+ Tất cả các đô thị loại đặc biệt và loại I có công trình tái chế chất thải rắn phù hợp với việc phân loại tại hộ gia đình; 85% các đô thị còn lại có công trình tái chế chất thải rắn phù hợp với việc phân loại tại hộ gia đình;

+ 90% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các đô thị được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; tăng cường khả năng tái chế, tái sử dụng, xử lý kết hợp thu hồi năng lượng hoặc sản xuất phân hữu cơ; phần đầu tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp đạt tỷ lệ dưới 30% so với lượng chất thải được thu gom;

+ Sử dụng 100% túi nilon thân thiện với môi trường tại các Trung tâm thương mại, siêu thị phục vụ cho mục đích sinh hoạt thay thế cho túi nilon khó phân huỷ;

+ 90 - 95% các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị đã đóng cửa được cải tạo, xử lý, tái sử dụng đất;

+ Việc đầu tư xây dựng mới cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo tỷ lệ chôn lấp sau xử lý không quá 20%.

- Về chất thải rắn sinh hoạt nông thôn:

+ 80% lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại khu dân cư nông thôn tập trung được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tự xử lý, xử lý tập trung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; tận dụng tối đa lượng chất thải hữu cơ để tái sử dụng, tái chế, làm phân compost hoặc tự xử lý tại các hộ gia đình thành phân compost để sử dụng tại chỗ;

+ 95% các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực nông thôn đã đóng cửa được cải tạo, xử lý, tái sử dụng đất; phần đầu 100% các bãi chôn lấp chất thải tự phát không thuộc quy hoạch phải được xử lý đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường;

+ Việc đầu tư xây dựng mới cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải đảm bảo tỷ lệ chôn lấp sau xử lý không quá 20%.

- Về chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ 100% tổng lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và làng nghề phát sinh được thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường;

+ 80% tổng lượng tro, xỉ, thạch cao phát sinh từ các nhà máy điện, nhà máy hóa chất, phân bón được tái chế, tái sử dụng và xử lý làm nguyên liệu sản xuất, vật liệu xây dựng, san lấp,... đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Về chất thải rắn đặc thù khác:

+ 90% tổng lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh tại các đô thị được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường, trong đó 60% được tái sử dụng hoặc tái chế thành các sản phẩm, vật liệu tái chế bằng các công nghệ phù hợp;

+ 100% bùn bể tự hoại thu gom của các đô thị được xử lý đảm bảo môi trường;

+ 80% chất thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi, gia súc, gia cầm phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế làm phân compost, biogas và xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường;

+ 80% các phụ phẩm nông nghiệp phát sinh từ hoạt động sản xuất nông nghiệp phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường;

+ 100% các bao bì đựng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật dùng trong nông nghiệp phải được thu gom, lưu giữ và được xử lý theo quy định của pháp luật;

+ 100% lượng chất thải rắn y tế phát sinh tại các cơ sở y tế, bệnh viện được phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

4. Các nhiệm vụ cơ bản

a) Về chất thải rắn nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại được quản lý và kiểm soát chặt chẽ từ nguồn thải đến thu gom, vận chuyển và xử lý cuối cùng. Đa dạng hóa công nghệ xử lý chất thải rắn nguy hại bằng các công nghệ tiên tiến, hiện đại;

- Các nhà sản xuất thiết bị điện tử phải thiết lập và công bố các điểm thu hồi sản phẩm thải bỏ theo quy định của pháp luật; người tiêu dùng có trách nhiệm chuyển các sản phẩm thải bỏ đến điểm thu hồi hoặc chuyển cho tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải theo đúng quy định của pháp luật để chuyển đến các điểm thu hồi theo quy định;

- Khuyến khích thu gom, xử lý chất thải nguy hại liên vùng, liên tỉnh; xây dựng, phát triển các cơ sở xử lý chất thải nguy hại tập trung, quy mô vùng tỉnh, vùng liên tỉnh theo quy hoạch quản lý chất thải rắn được phê duyệt, áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại; hạn chế phát triển và giảm dần về số lượng những cơ sở xử lý có quy mô nhỏ, phân tán có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường;

- Khuyến khích xây dựng các cơ sở xử lý, tái chế chuyên sâu đối với các loại chất thải nguy hại đặc thù đồng thời với việc phát triển các cơ sở xử lý có khả năng tái chế, xử lý đa dạng các loại chất thải nguy hại khác nhau; tăng cường việc chuyển giao chất thải giữa các cơ sở xử lý chất thải để tận dụng thế mạnh của mỗi cơ sở trong quá trình xử lý;

- Hạn chế và tiến tới loại bỏ việc tự xử lý chất thải nguy hại tại nơi phát sinh có sử dụng công nghệ đốt hoặc chôn lấp;

- Ưu tiên hoạt động đồng xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật nhằm hạn chế tối đa việc thiêu hủy chất thải trong lò đốt chất thải chuyên dụng;

- Tăng cường việc tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại; hạn chế việc cấp phép xử lý bằng biện pháp chôn lấp, hóa rắn đối với các loại chất thải nguy hại có khả năng tái chế, tái sử dụng;

- Đẩy mạnh việc xây dựng, phê duyệt kế hoạch thu gom, vận chuyển, lưu giữ, trung chuyển chất thải nguy hại tại các địa phương, bảo đảm phù hợp với điều kiện của địa phương và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm tăng cường việc thu gom, xử lý đối với chất thải nguy hại phát sinh từ các chủ nguồn thải có khối lượng phát sinh thấp hoặc chủ nguồn thải chất thải nguy hại ở vùng sâu, vùng xa;

- Khuyến khích xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm, mô hình tập trung, hạn chế việc xử lý chất thải y tế phân tán tại các bệnh viện; ưu tiên xử lý chất thải y tế lây nhiễm bằng phương pháp không đốt, đặc biệt là việc tự xử lý chất thải y tế lây nhiễm tại nơi phát sinh; giảm dần về số lượng và hạn chế đầu tư mới lò đốt chất thải y tế nguy hại tại các cơ sở y tế cấp huyện.

b) Về chất thải rắn sinh hoạt:

- Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường do sử dụng túi ni lông khó phân hủy trong sinh hoạt đến năm 2020; hạn chế và tiến tới chấm dứt việc nhập khẩu, sản xuất và cung cấp các loại túi nilon khó phân hủy kể từ năm 2026 tại các trung tâm thương mại, siêu thị phục vụ cho mục đích sinh hoạt;

- Xây dựng các mô hình xã hội hóa trong công tác thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn; thành lập các tổ chức hoạt động theo cơ chế tự chủ về tài chính, quản lý con người, tài sản, có sự đầu tư mua sắm xe chuyên dụng, xe đẩy thu gom rác để mở rộng địa bàn, nâng cao tỷ lệ thu gom;

- Thúc đẩy giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải rắn kết hợp với thu hồi năng lượng nhằm tiết kiệm tài nguyên, hạn chế gây ô nhiễm môi trường do chất thải gây ra;

- Xây dựng kế hoạch và từng bước triển khai có hiệu quả chương trình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và năng lực quản lý chất thải rắn của địa phương;

- Lựa chọn các công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường phù hợp với đặc thù, tính chất chất thải và đặc điểm của từng địa phương;

- Ưu tiên xây dựng các cơ sở tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung vùng tỉnh, vùng liên tỉnh phù hợp với quy hoạch quản lý chất thải rắn và bảo đảm quản lý vận hành ổn định, hiệu quả;

- Cải tạo nâng cấp các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt không hợp vệ sinh, các khu vực bị ô nhiễm, suy thoái do chất thải rắn đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường; xử lý triệt để các bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt tự phát và ngăn chặn kịp thời việc hình thành các bãi chôn lấp tự phát, không để phát sinh sau năm 2025;

- Huy động mọi nguồn lực đầu tư, tăng cường xã hội hoá công tác thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, đồng thời xây dựng lộ trình giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương đảm bảo chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển tiến tới bù đắp chi phí xử lý, giảm dần hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước cho các hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn; tổ chức thí điểm thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng chất thải;

- Xây dựng lộ trình, kế hoạch và triển khai cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước cung cấp dịch vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt;

- Hướng dẫn thực hiện các dự án đầu tư phát triển và quản lý vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật;

- Thúc đẩy triển khai đầu tư xây dựng các dự án đầu tư xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo hình thức đối tác công tư (PPP) phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương;

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng về phòng ngừa, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải rắn, hình thành lối sống thân thiện với môi trường.

c) Về chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý và kiểm soát từ nguồn thải đến phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý theo quy định;

- Thúc đẩy tái sử dụng, tái chế chất thải rắn công nghiệp thông thường; ưu tiên xử lý chất thải kết hợp thu hồi năng lượng, hạn chế tối đa lượng chất thải phải chôn lấp;

- Tăng cường tái chế, tái sử dụng tro, xỉ, thạch cao làm nguyên liệu sản xuất, vật liệu xây dựng, san lấp đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường;

- Ưu tiên triển khai các hoạt động đồng xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường tại các cơ sở sản xuất;

- Tiếp tục triển khai sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm hạn chế phát thải chất thải rắn ra môi trường.

d) Về các chất thải rắn đặc thù khác:

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh phải được thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý bằng công nghệ phù hợp; tăng cường nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tái chế chất thải rắn xây dựng;

- Chất thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi, gia súc, gia cầm phải được thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý; ưu tiên cao nhất cho việc sản xuất phân compost và biogas;

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất nông nghiệp phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường;

- Tăng cường các hoạt động thu gom, xử lý các bao bì đựng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật dùng trong nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

- Tăng cường các hoạt động thu gom, xử lý phân bùn bể tự hoại đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; ưu tiên áp dụng các công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ và tận thu năng lượng đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

5. Các giải pháp thực hiện điều chỉnh Chiến lược

a) Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật và cơ chế chính sách về quản lý chất thải rắn:

- Hoàn thành trước năm 2020 việc nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các văn bản pháp luật về quản lý chất thải rắn phù hợp với các quy định pháp luật khác có liên quan và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, tập trung vào các nội dung sau:

+ Xây dựng quy định, hoàn thiện cơ chế chính sách ưu đãi, khuyến khích các hoạt động giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn; ban hành lộ trình phù hợp giảm thiểu và tiến tới chấm dứt việc sử dụng túi nilon khó phân hủy;

+ Hoàn thiện các quy định hướng dẫn về phương pháp định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, phấn đấu đến năm 2025 thu đủ chi phí thu gom, vận chuyển và đến năm 2050 bù đắp được 50% cho chi phí xử lý;

+ Bổ sung và hướng dẫn thực hiện các chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với dự án đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế kỹ thuật liên quan đến hoạt động quản lý chất thải rắn:

+ Ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế kỹ thuật cho việc tái chế, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn bể tự hoại;

+ Bổ sung, xây dựng mới các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng bãi chôn lấp và các công trình xử lý chất thải rắn thông thường và nguy hại;

+ Ban hành các tiêu chuẩn về phương tiện lưu chứa, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

- Ban hành quy định về tổ chức quản lý các khu xử lý chất thải rắn liên tỉnh và cơ chế phối hợp giữa các địa phương liên quan.

- Xây dựng các quy định về quản lý, sử dụng sản phẩm và vật liệu tái chế đối với từng loại hình sản xuất tái chế từ các loại chất thải rắn.

- Hướng dẫn điều kiện, quy trình, thủ tục được hưởng ưu đãi, hỗ trợ từ quỹ bảo vệ môi trường và các tổ chức tài chính, tín dụng khác cho dự án đầu tư thu gom, vận chuyển, xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

b) Tăng cường nghiên cứu khoa học, hiện đại hoá công nghệ và sản xuất thiết bị tái chế, xử lý chất thải rắn:

- Tăng cường nghiên cứu, áp dụng công nghệ tiên tiến về tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải rắn, đặc biệt ưu tiên phát triển công nghệ thu hồi năng lượng, phát điện từ xử lý chất thải rắn;

- Đẩy mạnh việc thực hiện các chương trình nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ trọng điểm cấp quốc gia, cấp bộ về quản lý tổng hợp chất thải rắn; chú trọng việc hoàn thiện dây chuyền công nghệ, thiết bị trong nước để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn;

- Nghiên cứu và ứng dụng các chỉ tiêu, tiêu chuẩn trong việc lựa chọn công nghệ, thiết kế, xây dựng và vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn;

- Nghiên cứu cải tiến và ứng dụng các trang thiết bị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm mỹ quan và hiệu quả sử dụng.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu các công nghệ xử lý chất thải rắn phù hợp với điều kiện Việt Nam.

c) Rà soát, điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn:

- Rà soát thực hiện các quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng kinh tế trọng điểm, lưu vực sông, quy hoạch quản lý chất thải rắn của các địa phương, nội dung về quy hoạch chất thải rắn trong quy hoạch đô thị có tính đến vấn đề biến đổi khí hậu, phù hợp với mục tiêu của điều chỉnh Chiến lược;

- Rà soát, điều chỉnh, lập các kế hoạch đầu tư, phát triển cơ sở xử lý chất thải rắn theo quy hoạch đã được phê duyệt, xác định nhu cầu đầu tư, các dự án ưu tiên đầu tư và các nhiệm vụ theo từng giai đoạn của quy hoạch hoặc kế hoạch của từng địa phương;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch quản lý chất thải rắn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu về chất thải rắn cấp trung ương và địa phương (xây dựng phần mềm và đào tạo, tập huấn về công tác thu thập số liệu, báo cáo).

đ) Phát triển nguồn nhân lực thực hiện điều chỉnh Chiến lược:

- Tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực quản lý chất thải rắn cho cán bộ tham gia quản lý chất thải rắn, môi trường tại các cơ quan, đơn vị từ trung ương đến địa phương;

- Củng cố, mở rộng các trường đào tạo nghề, trung tâm dạy nghề... nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề phục vụ yêu cầu quản lý, vận hành, duy tu và bảo dưỡng các cơ sở xử lý chất thải rắn.

e) Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức:

- Xây dựng và thực hiện các chương trình truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng ở các trường học, cộng đồng dân cư, cơ quan nhà nước, các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ về giảm thiểu, phân loại tại nguồn, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn, thải bỏ chất thải rắn đúng nơi quy định;

- Xây dựng chương trình giáo dục về môi trường với nội dung và thời lượng phù hợp với nhận thức của từng lứa tuổi tại các cấp học phổ thông;

- Đưa nội dung quản lý chất thải rắn bao gồm ngăn ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải rắn, sử dụng các nguyên liệu thân thiện với môi trường, thu gom, vận chuyển chất thải rắn theo đúng quy định vào chương trình tập huấn, bồi dưỡng đào tạo cán bộ tại các cơ quan, đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

g) Tăng cường trao đổi và hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ về đào tạo nâng cao năng lực, học tập kinh nghiệm, trợ giúp kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ tài chính trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn.

6. Nguồn lực tài chính

a) Ngân sách địa phương; nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương; vốn vay từ các tổ chức tín dụng, Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam, Quỹ bảo vệ môi trường địa phương, hợp tác công tư (PPP) và các nguồn vốn hợp pháp khác, đảm bảo cho việc thực hiện các mục tiêu của điều chỉnh Chiến lược theo quy định của pháp luật;

b) Nguồn kinh phí từ các chủ nguồn thải và các chủ thể khác có liên quan theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện điều chỉnh Chiến lược

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có nhiệm vụ:

a) Chủ trì tổng kết, đánh giá, kiểm tra, giám sát việc thực hiện điều chỉnh Chiến lược; định kỳ tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm thực hiện điều chỉnh Chiến lược báo cáo Thủ tướng Chính phủ hàng năm và 5 năm;

b) Sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định bảo vệ môi trường về quản lý chất thải rắn theo thẩm quyền;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện phân loại chất thải tại nguồn phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ thu gom, vận chuyển, xử lý của địa phương;

d) Cấp phép xử lý chất thải nguy hại đối với các cơ sở xử lý chất thải nguy hại, bảo đảm phù hợp với định hướng của Điều chỉnh Chiến lược đối với nội dung về chất thải nguy hại, đặc biệt là về công nghệ xử lý, tái chế và địa bàn thu gom, vận chuyển;

đ) Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách, hướng dẫn kỹ thuật về cải tạo, phục hồi môi trường các bãi chôn lấp chất thải rắn gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và quy trình đóng bãi sau khi kết thúc hoạt động;

e) Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về chất thải rắn trên toàn quốc;

g) Tổ chức triển khai hoạt động kiểm tra, thanh tra xử lý các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn;

h) Tổ chức triển khai các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường nói chung và quản lý chất thải rắn nói riêng.

2. Bộ Xây dựng có nhiệm vụ:

a) Rà soát, nghiên cứu ban hành hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế kỹ thuật về quy hoạch, đầu tư xây dựng, quản lý chất thải rắn theo thẩm quyền;

b) Tổ chức rà soát, đánh giá thực hiện các quy hoạch quản lý chất thải rắn do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; hướng dẫn các địa phương thực hiện rà soát, điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn, nội dung quy hoạch chất thải rắn trong quy hoạch đô thị có tính đến biến đổi khí hậu, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện điều chỉnh Chiến lược;

c) Hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn theo các hình thức đầu tư phù hợp, tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng và giám sát, kiểm tra thực hiện;

d) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng lộ trình thực hiện giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

đ) Tổng hợp, đánh giá, kiểm tra tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao trong Chiến lược và theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, chương trình, dự án nghiên cứu khoa học công nghệ xử lý chất thải rắn cấp quốc gia, hướng dẫn ứng dụng công nghệ xử lý chất thải rắn phù hợp;

b) Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao các công nghệ thân thiện với môi trường trong xử lý chất thải rắn, chất thải từ hoạt động nông nghiệp, phụ phẩm từ hoạt động nông nghiệp;

c) Chủ trì phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu cải tiến các công nghệ tái chế chất thải rắn tại các làng nghề.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành các hướng dẫn kỹ thuật chi tiết trong việc thu gom, lưu giữ chất thải phát sinh trong các hoạt động nông nghiệp; tăng cường kiểm tra, giám sát và hướng dẫn thực hiện việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ bao bì, hóa chất bảo vệ thực vật, phân bón, thuốc thú y trong hoạt động nông nghiệp.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính có nhiệm vụ hướng dẫn, cân đối, bố trí vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác để thực hiện các nội dung của điều chỉnh Chiến lược.

6. Các bộ, ngành căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ giao, xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động liên quan được phê duyệt trong điều chỉnh Chiến lược.

7. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có nhiệm vụ:

a) Xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện điều chỉnh Chiến lược phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn, nội dung quy hoạch quản lý chất thải rắn trong quy hoạch đô thị trên địa bàn phù hợp với điều chỉnh Chiến lược; xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển cơ sở xử lý chất thải rắn theo quy hoạch được phê duyệt;

c) Chủ động tìm kiếm, huy động các thành phần kinh tế tham gia đầu tư trong lĩnh vực phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương; xây dựng và ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; tăng cường thực hiện đồng bộ các giải pháp xử lý chất thải rắn khu dân cư nông thôn tập trung;

d) Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn trên địa bàn quản lý phù hợp với điều kiện của địa phương;

đ) Bố trí một phần kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm của địa phương hỗ trợ cho việc xử lý chất thải rắn sinh hoạt, cải tạo các bãi chôn lấp đã đóng cửa, xử lý các bãi chôn lấp chất thải tự phát; xây dựng và triển khai các mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với đặc thù của địa phương;

e) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước cung cấp dịch vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt;

g) Tổ chức kiểm tra, thanh tra và xử lý các vi phạm trong quản lý chất thải rắn theo thẩm quyền;

h) Tổ chức tuyên truyền, nâng cao năng lực, nhận thức và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân về quản lý tổng hợp chất thải rắn và bảo vệ môi trường trên địa bàn;

i) Định kỳ hàng năm và 5 năm báo cáo về tiến độ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của điều chỉnh Chiến lược trên địa bàn tỉnh, thành phố gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng và các bộ ngành có liên quan.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

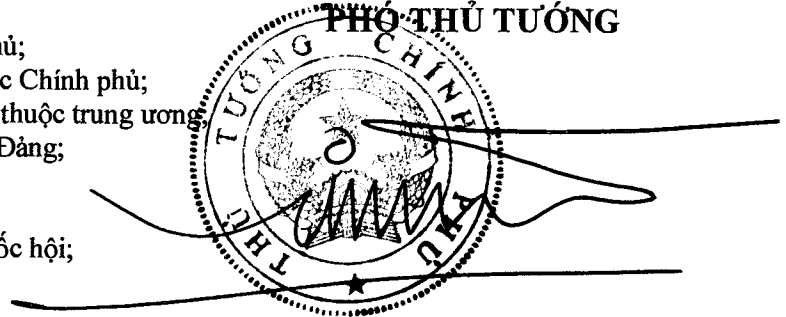
1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2149/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2). XH 105

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng